TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HS-ST
Ngày: 28-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Đương.
2. Ông Kim Ngọc Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đẳng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2026/TLST-HS, ngày 12 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/HSST-QĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Nhựt M, sinh ngày 14/02/2005 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1979 và Huỳnh Thị M1, sinh năm 1983; Vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh kể từ ngày 26/9/2025 đến nay (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại*: Ông Kim Na R, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp E, xã T, tỉnh Vĩnh Long (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Anh Trương Minh T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: số C T, khóm B, Phường S, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/7/2025, bị cáo Phạm Nhựt M từ nhà tại ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long đi bộ đến nhà người quen, tại đoạn đường đanl thuộc ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Phạm Nhựt M phát hiện có 03 chiếc xe mô tô hai bánh đang dựng cặp đường đất đi vào khu vực ruộng mía (cách đường đanl bị cáo M đang đi khoảng 50 mét), không có người trông coi nên bị cáo M nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 84H6-2890 của ông Kim Na R đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lợi dụng sơ hở, bị cáo M đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe, thấy xe không có chìa khóa bị cáo M dùng tay bức dây điện ở vị trí đầu xe rồi sử dụng cần đạp kích nổ, đạp khởi động xe nhanh chóng điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Sau khi lấy trộm được chiếc xe mô tô của ông Kim Na R, bị cáo M điều khiển xe đi làm lại chìa khóa xe từ một người làm chìa khóa dạo trên đường và liên hệ với anh Nguyễn Hoàng T hẹn gặp tại quán cà phê để bán chiếc xe trên cho anh T. Khi gặp nhau, bị cáo M bán chiếc xe cho anh T với giá 6.000.000 đồng. Đồng thời, bị cáo M mua lại của anh T một xe mô tô Honda Wave A, màu trắng - đen - bạc, biển số 83P3-701.80 với giá 4.800.000 đồng và nhận thêm từ anh T 1.200.000 đồng tiền chênh lệch, số tiền này M sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến chiều ngày 20/07/2025, khi làm xong công việc ở ruộng mía ông R quay trở lại vị trí để xe biển số 84H6-2890 trước đó thì phát hiện chiếc xe mô tô đã bị mất nhưng không trình báo Công an. Đến ngày 22/7/2025, ông Kim Na R phát hiện anh T đang sử dụng chiếc xe có đặc điểm giống xe bị mất nên trình báo Công an. Quá trình làm việc, anh T khai nhận mua xe từ bị cáo M và bị cáo M thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 264/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: Xe mô tô hai bánh đã qua sử dụng, nhãn hiệu Honda Wave, dung tích xi lanh 97 cm^3, loại xe nữ, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển số 84H6-2890 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 5.500.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 84H6 - 2890; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0027676; 01 (một) chìa khóa xe đã giao trả cho ông Kim Na R.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng - đen - bạc, biển số 83P3-701.80 và 01 (một) chìa khóa xe là chiếc xe bị cáo M mua từ anh T. Qua xác minh chủ phương tiện là anh Trương Minh T1. Hiện anh T1 không có mặt ở địa phương nên không làm việc được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Kim Na R đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 84H6 - 2890 là tài sản bị mất trộm, ông Na R không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo M đã bồi thường cho anh T xong số tiền 6.000.000 đồng nên anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với anh Nguyễn Hoàng T là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 84H6 - 2890 từ bị cáo M, khi bán bị cáo M nói là xe của gia đình,

có cung cấp giấy đăng ký xe nên anh T không biết chiếc xe trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Tại cáo trạng số 15/CT-VKSKV13 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Phạm Nhựt M về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Nhựt M trình bày: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/7/2025 bị cáo lợi dụng chiếc xe mô tô Honda Wave biển số 84H6 - 2890 của ông R dựng ven đường không có người trong coi đã lén lút chiếm đoạt bằng cách bứt dây điện, đạp khởi động xe và điều khiển rời khỏi hiện trường; sau đó làm lại chìa khóa và bán xe lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, không khiếu nại về tố tụng, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long tại phiên tòa: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị bổ sung tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Nhựt M đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về vật chứng, đề nghị trả lại cho bị cáo M chiếc xe mô tô biển số 83P3-701.80 và chìa khóa xe. Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không phát biểu tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Nhựt M khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản khám nghiệm, kết luận định giá tài sản và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/7/2025, tại ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 84H6-2890

của ông Kim Na R, trị giá 5.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo M đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và đã khắc phục hậu quả, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên xét tính chất hành vi phạm tội được thực hiện với lỗi cố ý, có thủ đoạn bứt dây điện để chiếm đoạt tài sản và sau khi phạm tội còn tiếp tục tiêu thụ tài sản nhằm thu lợi, Hội đồng xét xử xét thấy nếu chỉ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho bị cáo hưởng án treo thì chưa đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, người bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Kim Na R đã nhận lại đầy đủ chiếc xe mô tô biển số 84H6-2890 là tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hoàng T, bị cáo Phạm Nhựt M đã bồi thường đủ số tiền 6.000.000 đồng, anh T xác nhận đã nhận đủ và không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[4] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 48 Bộ luật Hình sự

Các vật chứng gồm:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 84H6-2890 cùng giấy đăng ký xe và chìa khóa, đây là tài sản hợp pháp của ông Kim Na R bị bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi đầy đủ và trả lại cho ông Kim Na R theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; người bị hại đã nhận đủ tài sản, không có khiếu nại, yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc xử lý vật chứng đối với chiếc xe này là đúng pháp luật và không đặt ra xem xét trong bản án.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng - đen - bạc, biển số 83P3-701.80 và chìa khóa xe. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản bị cáo M mua lại từ anh T trong giao dịch dân sự độc lập sau khi hành vi phạm tội đã hoàn thành; bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho anh T và không còn tranh chấp. Quá trình

điều tra không có căn cứ xác định chiếc xe này là công cụ, phương tiện phạm tội hoặc là tài sản do phạm tội mà có; chủ sở hữu đứng tên đăng ký là anh Trương Minh T1 hiện không có mặt tại địa phương, chưa phát sinh yêu cầu, khiếu nại liên quan đến tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy không cần thiết tiếp tục tạm giữ, Hội đồng xét xử quyết định trả lại chiếc xe mô tô và chìa khóa nêu trên cho bị cáo M là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định anh T có mua xe mô tô biển số 84H6-2890 từ bị cáo M. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh anh T biết hoặc phải biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có; Cơ quan điều tra không khởi tố đối với anh T và Viện kiểm sát không truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Qua kiểm tra và thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp.

[8] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Nhựt M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025);

Xử phạt bị cáo Phạm Nhựt M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Kim Na R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025).

Trả cho bị cáo Phạm Nhựt M: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, dung tích xi lanh 109 cm^3, màu sơn trắng - đen - bạc, số máy JA39E0575966,

Số khung RLHJA3904HY600829, biển số 83P3-701.80 và 01 (một) chìa khóa xe của xe mô tô biển số 83P3-701.80.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Phạm Nhựt M phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Tiền